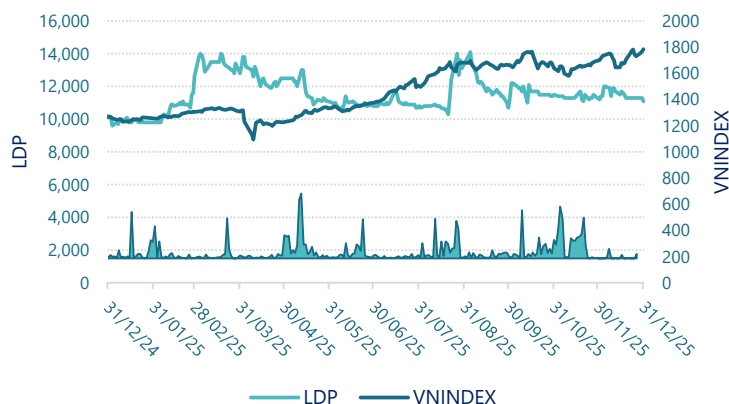


CTCP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR (HNX: LDP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,600
SL cổ phiếu LH	18,728,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75,325
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
P/E	7.6
EPS	1,463

DT thuần

Q4/25

73.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.6 | 24.7%

YoY: ▲ 2.00 | 2.8%

LN sau thuế

Q4/25

21.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.7 | 473%

YoY: ▲ 18.4 | 609%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.9%

+/- YoY: ▲ 7.5%

DT thuần

2025

244

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0 | 11.9%

LN sau thuế

2025

27.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.5 | 296%

ROE

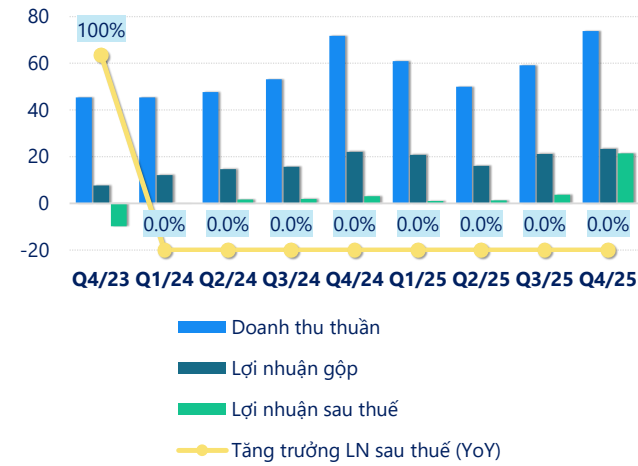
2025

18.9%

+/- YoY: ▲ 11.7%

tỷ VNĐ

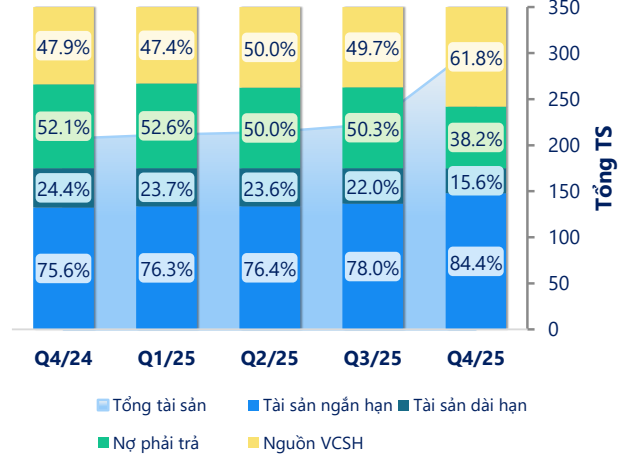
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

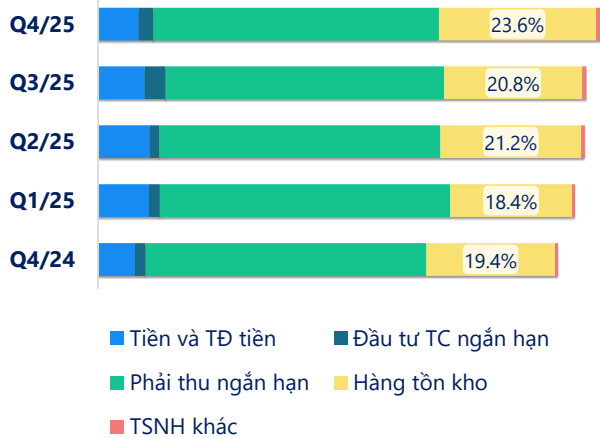
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



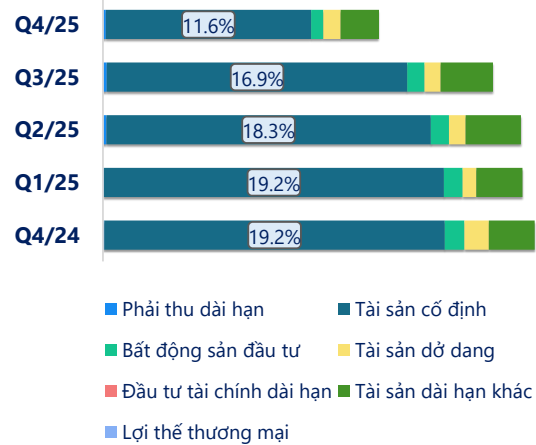
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

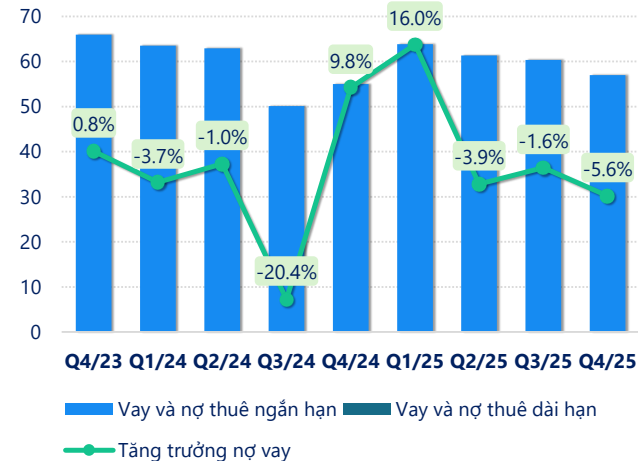
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

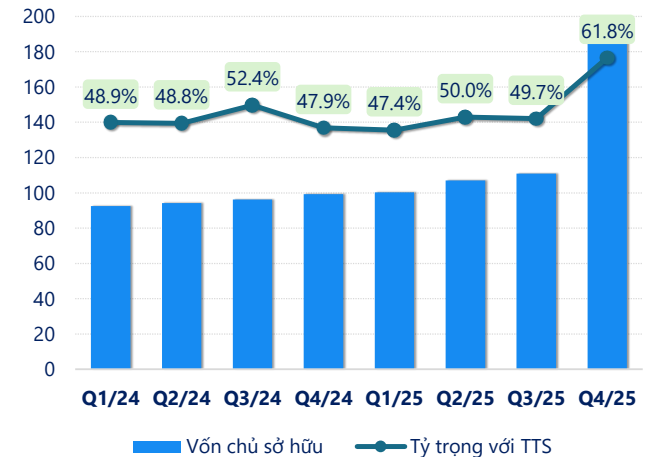
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

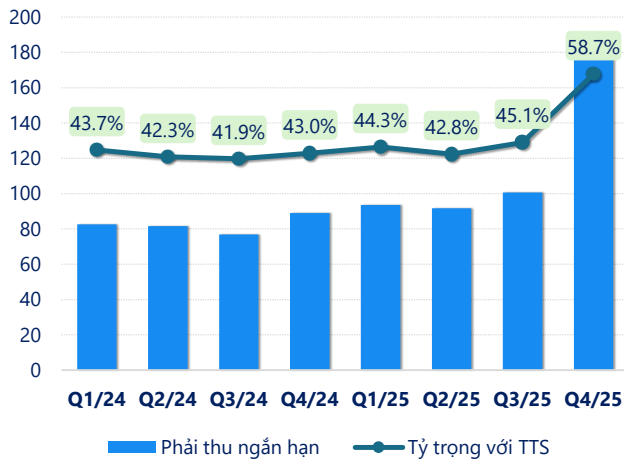
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



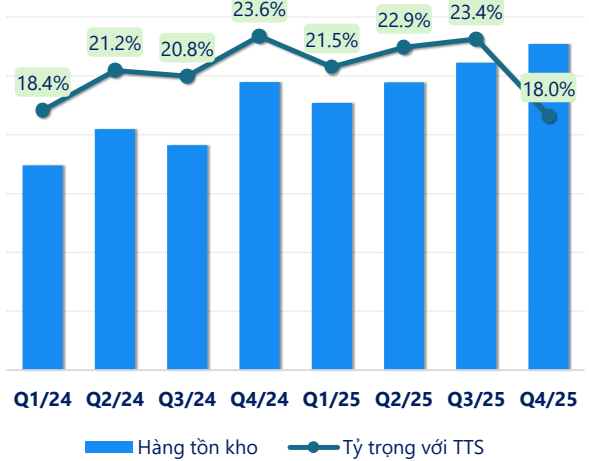
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


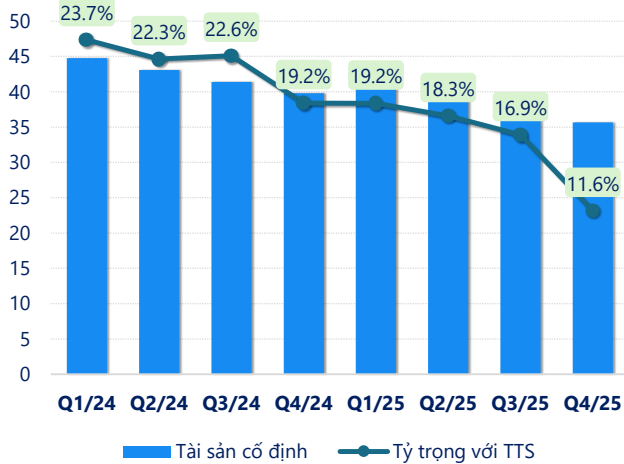
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


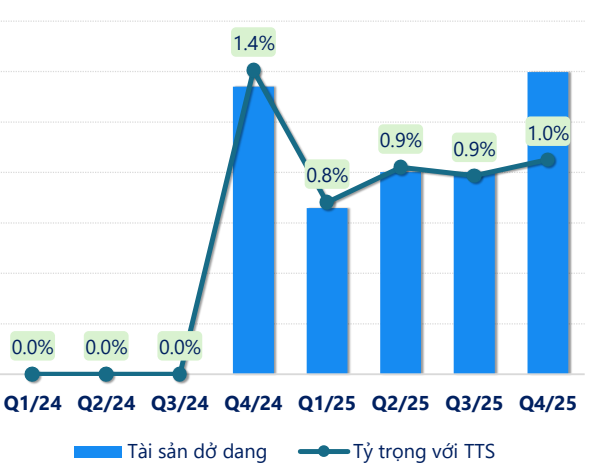
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

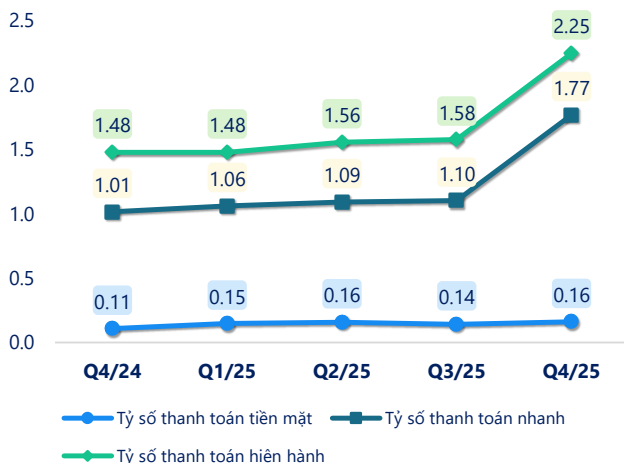
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

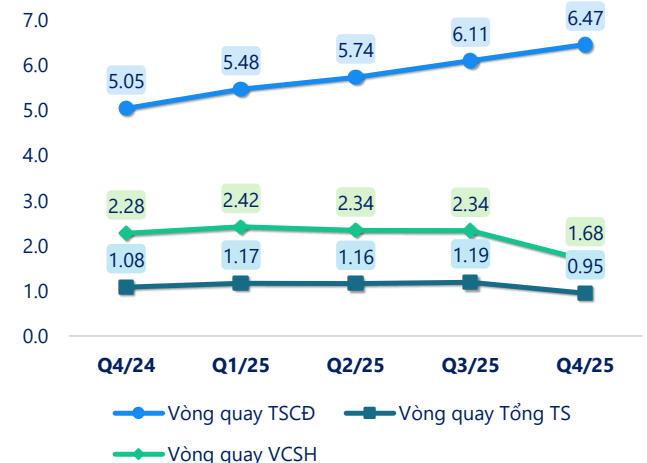
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	207	211	214	223	308
Tài sản ngắn hạn	157	161	163	174	260
Tiền và tương đương tiền	11.5	16.1	16.6	15.6	18.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.69	4.25	4.45	4.32	2.00
Phải thu ngắn hạn	89.0	93.6	91.7	101	181
Hàng tồn kho	49.0	45.4	48.9	52.3	55.4
Tài sản ngắn hạn khác	2.52	2.01	1.87	1.06	3.19
Tài sản dài hạn	50.4	50.0	50.5	49.1	48.0
Phải thu dài hạn	0.16	0.12	0.42	0.49	0.49
Tài sản cố định	39.8	40.5	39.1	37.8	35.7
Bất động sản đầu tư	2.27	2.24	2.22	2.19	2.16
Tài sản dở dang	2.85	1.65	2.01	2.01	3.00
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.37	5.47	6.69	6.60	6.66
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	108	111	107	112	118
Nợ ngắn hạn	106	109	105	110	116
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	63.8	61.3	60.4	57.0
Phải trả người bán ngắn hạn	31.5	24.6	22.7	22.9	31.0
Nợ dài hạn	1.77	1.78	1.78	1.78	1.78
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	99.2	100	107	111	190
Vốn chủ sở hữu	99.2	100	107	111	190
Vốn điều lệ	127	127	133	133	187
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)